

Bản án số 107/2024/DS-PT

Ngày 16 – 5 – 2024

V/v “*Tranh chấp xác định
phần quyền sở hữu tài sản,
phần quyền sử dụng đất để thi hành án*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung
Ông Vũ Việt Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16-5-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 199/2023/TLPT-DS ngày 10-11-2023 về việc “*Tranh chấp xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất để thi hành án*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 25-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2024/QĐ-PT ngày 06-02-2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn P**, sinh năm: 1966, địa chỉ: Tổ 5x, phường D, quận K, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn A**, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 175/1 E, tổ 9x, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị N, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 175/1 E, tổ 91, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Dương Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - ông Nguyễn P trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Vào ngày 13-9-2019, do có quan hệ quen biết và tin tưởng nên ông Nguyễn P cho ông Nguyễn A vay số tiền 780.000.000đ và cam kết ngày 23-9-2019 sẽ hoàn trả tiền đầy đủ. Do ông Nguyễn A không thực hiện thỏa thuận nên ông Nguyễn P đã khởi kiện. Ngày 26-7-2022, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 22/2022/QĐST-DS có nội dung đến ngày 18-8-2022 ông Nguyễn A thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền 780.000.000đ cho ông Nguyễn P. Kể từ ngày 19-8-2022 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn A còn phải chịu lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau đó, ông Nguyễn P có yêu cầu thi hành án và được Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 29/QĐ-CCTHADS ngày 06-10-2022. Tuy nhiên, ông Nguyễn A không tự nguyện thi hành án mặc dù có tài sản chung với bà Dương Thị N là Nhà và đất tại thửa đất 2xx, tờ bản đồ số 1x địa chỉ tổ 9x, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622xxx do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30-3-2017 đứng tên ông Nguyễn A và bà Dương Thị N.

Đến ngày 25-11-2022, Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đã ra Thông báo số 58/TB-THADS và ngày 23-11-2022 về việc thông báo cho ông Nguyễn A, bà Dương Thị N có quyền phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia các tài sản chung nói trên nhưng ông A, bà N không thực hiện. Vì vậy, ngày 16-3-2023, Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đã ra Thông báo số 186/TB-CCTHADS về việc thông báo cho ông Nguyễn P có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông Nguyễn A trong khối tài sản chung để thi hành án.

Do đó, ông Nguyễn P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông Nguyễn A trong khối tài sản chung với bà Dương Thị N là nhà và đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 1x tại địa chỉ tổ 9x, phường F, quận K,

thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622xxx do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30-3-2017 đứng tên ông Nguyễn A và bà Dương Thị N để thi hành án.

** Bị đơn - ông Nguyễn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Dương Thị N, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông A, bà N vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 25-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ vào: Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 147, 165, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 210, khoản 2 điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn P về việc “*Tranh chấp xác định phần quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất để thi hành án*” đối với bị đơn là ông Nguyễn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N.

Xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của bị đơn ông Nguyễn A để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự là ½ (50%) giá trị thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 1x có diện tích là 70m² và ½ (50%) giá trị tài sản trên đất là nhà ở 01 tầng + gác lửng có diện tích xây dựng là 69,4m², diện tích sử dụng là 112,8m²; kết cấu: Móng đá, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, chân tường ốp gạch men, nền lót gạch men, mái lợp tôn, trần la phong thả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30-3-2017 đứng tên ông Nguyễn A và bà Dương Thị N tại địa chỉ tổ 91, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn A phải chịu 300.000đ.

Trả lại cho ông Nguyễn P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0008875 ngày 27-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ ông Nguyễn P tự nguyện chịu (Đã nộp và đã chi).

- Chi phí định giá tài sản 15.500.000đ ông Nguyễn A phải chịu. Số tiền này ông Nguyễn P đã chi, nên ông Nguyễn A có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn P số tiền 15.500.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

Ngày 30-10-2023, bà Dương Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên với những nội dung sau: Bản án sơ thẩm xác định tài sản chung do ông Nguyễn A và bà Dương Thị N đứng tên nhưng chưa có sự đồng ý của bà Dương Thị N, ông Nguyễn P cho vay tiền và cầm cố sổ đỏ; Yêu cầu làm rõ việc cho vay của ông P với lãi suất bao nhiêu phần trăm, có dấu hiệu cho vay nặng lãi hay không; Đề nghị xem xét lại mức định giá tài sản ngôi nhà do có phần xây dựng sửa chữa bằng số tiền của hai con bà đóng góp là Nguyễn Dương Hồng P1 và Nguyễn Dương Hoài L.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị N do không có căn cứ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông Nguyễn A đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông.

[2] Xét Đơn kháng cáo của bà Dương Thị N:

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 22/2022/QĐST-DS ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng có nội dung: Đến ngày 18-8-2022 ông Nguyễn A phải thanh

toán số tiền 780.000.000đ cho ông Nguyễn P và kể từ ngày 19-8-2022 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn A còn phải chịu lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Tuy nhiên, ông A không thực hiện, không tự nguyện thi hành án. Do vậy, ông Nguyễn P khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông Nguyễn A trong khối tài sản chung với bà Dương Thị N là nhà và đất tại địa chỉ tổ 91, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng để được thi hành án.

Nhà và đất tại địa chỉ tổ 9x, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng đã được Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622xxx ngày 30-3-2017 đứng tên ông Nguyễn A và bà Dương Thị N. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông A, bà N theo quy định pháp luật cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà N xác định bà N và ông A mỗi người có $\frac{1}{2}$ quyền lợi trong tài sản chung này. Quá trình giải quyết vụ án, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho phần công sức đóng góp của bà hoặc người khác (hai người con của ông A bà N) trong khối tài sản chung để Tòa án xem xét.

Do vậy, ông Nguyễn P khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông Nguyễn A trong khối tài sản chung với bà Dương Thị N là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tổ 9x, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622xxx để thi hành cho Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đã có hiệu lực pháp luật số 22/2022/QĐST- DS ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 210, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật dân sự và Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự.

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn P và xác định ông Nguyễn A và bà Dương Thị N mỗi người có $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 267, tờ bản đồ số 14 có diện tích là 70m² và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đất là nhà ở 01 tầng + gác lửng có diện tích xây dựng là 69,4m², diện tích sử dụng là 112,8m², tại địa chỉ Tổ 9x, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Ngoài ra, bà Dương Thị N kháng cáo các nội dung liên quan đến quan hệ vay tài sản giữa ông Nguyễn P với ông Nguyễn A về lãi suất, việc bà N không đồng ý với ông A vay tiền của ông P, ... đã được giải quyết bằng Quyết định có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, các nội dung bà N kháng cáo là không có cơ sở, không được Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm bà Dương Thị N phải chịu 300.000đ do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 210, khoản 2 điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận Đơn kháng cáo của bà Dương Thị N;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2023/DS-ST ngày 25-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn P về việc “*Tranh chấp xác định phần quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất để thi hành án*” đối với bị đơn là ông Nguyễn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N.

Xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của bị đơn ông Nguyễn A để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự là ½ (50%) giá trị thửa đất số 267, tờ bản đồ số 14 có diện tích là 70m² và ½ (50%) giá trị tài sản trên đất là nhà ở 01 tầng + gác lửng có diện tích xây dựng là 69,4m², diện tích sử dụng là 112,8m²; kết cấu: Móng đá, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, chân tường ốp gạch men, nền lót gạch men, mái lợp tôn, trần la phong thả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30-3-2017 đứng tên ông Nguyễn A và bà Dương Thị N tại địa chỉ tổ 91, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) Án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008875 ngày 27-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với nhà đất tại địa chỉ tổ 9x, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) ông Nguyễn P tự nguyện chịu (Đã nộp và đã chi).

- Chi phí định giá tài sản đối với nhà đất tại địa chỉ tổ 9x, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng số tiền 15.500.000đ theo hóa đơn giá trị gia tăng số 269 ngày 04-8-2023 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE - Chi nhánh Đà Nẵng ông Nguyễn A phải chịu. Số tiền này ông Nguyễn P đã chi, nên ông Nguyễn A có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn P số tiền 15.500.000đ (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị N phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0002274 ngày 01-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Thanh Khê, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Trần Thị Thanh Mai